

Số: /TTr-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
(Ngày 31/3/2026)

TỜ TRÌNH
Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Quốc hội ban hành Chương trình lập pháp năm 2026; Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026; căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kính trình Chính phủ dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên.

- Kết luận số 21/KL/TW ngày 24/1/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW đã đề ra nhiệm vụ “Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát, “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy định pháp luật yêu cầu: “*Đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Công tác xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực phản ứng chính sách và giải quyết hiệu quả, kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra, lấy người dân,*

doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể; bảo đảm cơ sở pháp lý và các điều kiện để đẩy mạnh thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong ban hành và tổ chức thi hành pháp luật. Các quy định của luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài.”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật yêu cầu *“rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập, kịp thời tháo gỡ các rào cản, điểm nghẽn về thể chế”.*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó yêu cầu: *“Đổi mới tư duy xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền kinh tế; giảm thiểu sự can thiệp và xoá bỏ các rào cản hành chính, cơ chế “xin - cho”, tư duy “không quản được thì cấm”...” (Mục III.2.1).*

2. Cơ sở pháp lý

- Ngày 11 tháng 12 năm 2025, Quốc hội đã thông qua Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, trong đó có Luật Bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, Luật số 146/2025/QH15 tập trung thực hiện chủ trương và thực tế về sắp xếp tổ chức bộ máy; tổ chức chính quyền 02 cấp; phân cấp, phân quyền; đơn giản hóa thủ tục hành chính; cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh và giải quyết các “điểm nghẽn” do quy định của pháp luật, vấn đề cấp bách, phát sinh từ thực tiễn quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên.

- Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 yêu cầu: *“có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp”* và *“đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực” (Điểm 3.1 Điều 3).*

- Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật: *“Cơ quan ban hành hoặc cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm nghiên cứu chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân, rà soát, xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật và phương án xử*

lý khó khăn, vướng mắc theo nguyên tắc quy định tại Nghị quyết này.” (Khoản 1 Điều 5); “Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để quy định vấn đề mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định hiện hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;” (Điểm b khoản 1 Điều 4).

- Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về việc tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường: Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, hoàn thành đến hết năm 2026 là *“Tổng kết, đánh giá việc thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trình Quốc hội xem xét, thông qua đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI.”*

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/03/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026: *“Cắt giảm, đơn giản hoá 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.”; “Cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024; 100% thủ tục hành chính quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng phải được công bố, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa; 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp được thực hiện điện tử.”*

- Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Quốc hội ban hành Chương trình lập pháp năm 2026 và Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026; trong đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trình Chính phủ xem xét, trình Quốc hội vào Kỳ họp thứ Hai, Quốc hội khóa XVI (tháng 10/2026).

3. Cơ sở thực tiễn

Trên bình diện quốc tế, bối cảnh phát triển giai đoạn tới được dự báo có nhiều biến động theo hướng kém thuận lợi hơn. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới (WB), tăng trưởng kinh tế toàn cầu giai đoạn 2022 - 2030 chỉ đạt khoảng 2,2%/năm, thấp hơn đáng kể so với các thập niên trước. Các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 đứng trước nguy cơ khó hoàn thành do thiếu sự cam kết chính trị và nguồn lực từ nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước phát triển. Tuy nhiên, xu hướng phát triển xanh, kinh tế các-bon thấp và các tiêu chuẩn môi trường trong thương mại quốc tế ngày càng gia tăng, nhất là từ các nước EU, sẽ trở thành động lực và áp lực lớn đối với các quốc gia đang phát triển. Toàn cầu hóa tiếp tục diễn ra nhưng với tốc độ chậm lại do tác động của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, hậu quả của đại dịch COVID-19 và các xung đột địa chính trị (Nga - Ukraine, Trung Đông). Dòng vốn đầu tư quốc tế có xu hướng suy giảm và tái cấu trúc theo hướng ưu tiên tính bền vững, tập trung vào các lĩnh vực xanh và kinh tế số. Đồng thời, tình hình an ninh thế giới tiềm ẩn nhiều rủi ro với các xung đột cục bộ, xu hướng gia tăng vũ trang, song hòa bình và hợp tác phát triển vẫn là xu thế chủ đạo. Các vấn đề an ninh phi truyền thống như an ninh mạng, an ninh biển và tội phạm có tổ chức ngày càng

được chú trọng. Đặc biệt, biến đổi khí hậu (BĐKH) tiếp tục là vấn đề toàn cầu trung tâm, được nhiều quốc gia coi là thách thức an ninh. Khoa học, công nghệ và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động sâu rộng, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và thay đổi toàn diện phương thức quản lý, sản xuất, tiêu dùng. Công nghệ số góp phần nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị, mở rộng thị trường và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trong nước, Việt Nam đang có nhiều cơ hội phát triển nhờ vị thế quốc tế được nâng cao, mạng lưới đối tác chiến lược mở rộng và khả năng thu hút đầu tư nước ngoài. Các xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh tạo điều kiện thuận lợi để đạt mục tiêu công nghiệp hóa vào năm 2030. Tuy nhiên, quá trình phát triển nhanh cũng làm gia tăng áp lực lên môi trường, bao gồm ô nhiễm trong nước và nguy cơ ô nhiễm xuyên biên giới, nhập khẩu công nghệ lạc hậu và chất thải. Bối cảnh BĐKH ngày càng nghiêm trọng cùng với việc thực hiện Thỏa thuận Paris đặt ra yêu cầu chuyển đổi sang mô hình phát triển các-bon thấp, tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo. Các công cụ mới như thị trường các-bon, tín chỉ các-bon mở ra cơ hội nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro nếu thiếu cơ chế quản lý chặt chẽ, đặc biệt là hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm tra (MRV). Nếu không kiểm soát tốt, thị trường các-bon có thể làm suy giảm hiệu quả chính sách khí hậu và không phản ánh đúng giá trị môi trường thực tế.

Thực tiễn quốc tế cho thấy nếu không chú trọng bảo vệ môi trường (BVMT), chi phí môi trường sẽ vượt xa lợi ích kinh tế. Các cảnh báo cho thấy nếu GDP tăng nhanh mà không kiểm soát môi trường, mức độ ô nhiễm có thể tăng gấp nhiều lần, gây thiệt hại kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng. Điều này đặt ra thách thức lớn trong bối cảnh Việt Nam hướng tới mục tiêu tăng trưởng cao, thậm chí hai con số. Do đó, việc triển khai hiệu quả các chính sách và công cụ quản lý môi trường là yêu cầu cấp thiết nhằm chuyển đổi mô hình phát triển từ kinh tế tuyến tính sang kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát thải thấp. Đồng thời, cần nâng cao chất lượng thu hút FDI, tăng cường tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và phát triển khoa học, công nghệ phục vụ cả sản xuất và BVMT.

Tổng thể, Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng xanh và bền vững, song đồng thời đối mặt với nhiều thách thức về môi trường, công nghệ và thể chế. Nếu không có giải pháp kịp thời và hiệu quả, nguy cơ trở thành nơi tiếp nhận công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm cao là hiện hữu; ngược lại, nếu tận dụng tốt xu thế mới, Việt Nam có thể nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong dài hạn.

Từ những yêu cầu thực tiễn nêu trên cho thấy việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 là cần thiết nhằm khắc phục các bất cập phát sinh trong quá trình thi hành, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với các luật có liên quan; đồng thời hoàn thiện các công cụ quản lý môi trường theo hướng hiện đại, minh bạch và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 là cần thiết nhằm rà soát, xử

lý các quy định còn chồng chéo, bất cập; hoàn thiện các công cụ quản lý môi trường theo hướng minh bạch, giảm thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền và thúc đẩy áp dụng các cơ chế thị trường trong bảo vệ môi trường.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành Luật

a) Tiếp tục cải cách mạnh mẽ TTHC, đặc biệt là các thủ tục về đánh giá tác động môi trường (ĐTM), giấy phép môi trường (GPMT), bảo đảm kiểm soát thực chất, hiệu quả các dự án, cơ sở có nguy cơ cao tác động xấu đến môi trường, đơn giản hóa thủ tục, thúc đẩy các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

b) Tạo nền tảng pháp lý đủ mạnh, hiệu quả để chuyển đổi số trong quản lý môi trường, tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam, trọng tâm là hoàn thiện các quy định về xây dựng và vận hành nền tảng số quản lý môi trường quốc gia, tích hợp dữ liệu quan trắc môi trường, kiểm kê phát thải; các quy định về quản lý chất thải với quan điểm coi chất thải là tài nguyên, phải được quản lý chặt chẽ, tăng cường tái chế, tái sử dụng, giảm phát sinh, đồng thời cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phát triển ngành công nghiệp môi trường.

c) Hoàn thiện các chế định về quản lý chất lượng môi trường để phòng ngừa từ sớm, từ xa các nguồn gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới chất lượng môi trường, đi đôi với tăng cường các biện pháp dự báo, cảnh báo, công khai thông tin về chất lượng môi trường, đặc biệt là chất lượng môi trường nước, môi trường không khí. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong công tác kiểm soát ô nhiễm, dự báo, cảnh báo, công khai thông tin về chất lượng môi trường.

d) Tiếp tục rà soát tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật còn chưa được xử lý, không để cản trở sự phát triển, huy động và khơi thông mọi nguồn lực, phục vụ hiệu quả cho mục tiêu tăng trưởng 2 con số tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi.

2. Quan điểm xây dựng Luật

a) Tổng kết, đánh giá toàn diện việc triển khai thi hành Luật BVMT năm 2020 trên cơ sở kế thừa đầy đủ, toàn diện kết quả giám sát tối cao của Quốc hội về việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trong năm 2025.

b) Tiếp tục kế thừa và phát huy hiệu lực, hiệu quả của các chính sách có tính đột phá của Luật BVMT năm 2020 như: áp dụng tiêu chí môi trường trong phân loại dự án đầu tư để kiểm soát, quản lý linh hoạt theo mức độ rủi ro về môi trường; quản lý chất thải theo hướng tăng cường tái chế, tái sử dụng, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; bảo vệ các thành phần môi trường thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt, môi trường không khí. Các nội dung đề xuất sửa đổi, bám sát quan điểm luật chỉ quy định các vấn đề có tính chất khung, nguyên tắc, các nội dung cụ thể, kỹ thuật thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành, địa phương thì giao cấp thẩm quyền quy định chi tiết.

c) Quán triệt quan điểm chỉ đạo, mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu

toàn quốc lần thứ XIV, việc sửa đổi Luật nhằm triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm; hoàn thiện đồng bộ pháp luật, cơ chế, chính sách, quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý có hiệu quả vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường. Thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính (TTHC), tăng cường phân quyền cho địa phương, tuy nhiên vẫn phải đảm bảo kiểm soát chặt chẽ các vấn đề môi trường, không hy sinh môi trường để đánh đổi các lợi ích kinh tế trước mắt.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO LUẬT

Dự thảo Luật được xây dựng theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm các hoạt động sau:

1. Thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự án Luật (tại Quyết định số 480/QĐ-BNNMT ngày 05/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).
2. Xây dựng đề cương và soạn thảo dự thảo Luật; tổ chức các cuộc họp nhóm kỹ thuật để hoàn thiện dự thảo Luật.
3. Đăng tải dự thảo Luật trên cổng thông tin điện tử của Bộ; gửi văn bản lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và thực hiện truyền thông nội dung dự thảo (tại Công văn số .../BNNMT-MT ngày ...). Tính đến hết ngày ..., Bộ Nông nghiệp và Môi trường nhận được ... văn bản góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và tổ chức, cá nhân (... *Bộ, cơ quan ngang Bộ; ... địa phương*).
4. Giải trình, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Luật theo ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tại Báo cáo kèm theo.
5. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Luật tại Công văn số .../BNNMT-MT ngày Ngày ..., Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định dự thảo Luật để thẩm định dự thảo Luật¹.

Theo đó, tại phiên họp, Hội đồng thẩm định đã nhất trí về sự cần thiết phải ban hành và dự thảo Luật đủ điều kiện để trình Thủ tướng Chính phủ sau khi được tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện các nội dung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định của Bộ Tư pháp ngày ..., Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã khẩn trương tiếp thu, giải trình các kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (*cụ thể tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Luật gửi kèm theo*).

¹ Quyết định số .../QĐ-BTP ngày ... của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Hội đồng thẩm định đối với dự thảo Dự thảo Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường tập trung vào 04 nhóm nội dung sau:

- (1) Cải cách thủ tục hành chính môi trường, đẩy mạnh phân quyền.
- (2) Chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.
- (3) Quản lý chất lượng môi trường.
- (4) Các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội.

2. Bố cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật được bố cục gồm 02 Điều, cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

3. Nội dung cơ bản

3.1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

a) Đơn giản hóa thủ tục hành chính

- Đơn giản hóa các quy định về tiêu chí môi trường trong phân loại dự án để tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc xác định trách nhiệm phải thực hiện các thủ tục hành chính gồm thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), thẩm định cấp giấy phép môi trường (GPMT); đồng thời, tiếp tục rà soát để cắt giảm đối tượng phải thực hiện TTHC để đáp ứng với năng lực giải quyết tại các địa phương. Khi đó, việc phân loại dự án đầu tư được thực hiện theo 03 nhóm, tương ứng với các thủ tục hành chính về môi trường cần phải thực hiện gồm nhóm I (phải ĐTM chi tiết), nhóm II (thực hiện ĐTM đơn giản) và nhóm III (chỉ thực hiện đăng ký môi trường hoặc cấp GPMT trước khi triển khai).

- Bổ sung quy định cho phép các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước không phải nộp phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường.

b) Đơn giản hóa quy trình thực hiện, tiếp tục phân quyền mạnh mẽ cho địa phương, giảm tiền kiểm, tăng cường hậu kiểm nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ dự án trong thực hiện thủ tục hành chính về môi trường

- Bổ sung quy định mới theo hướng tiếp tục cắt giảm đối tượng phải thực hiện ĐTM đối với dự án trong khu, cụm công nghiệp, các dự án không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, dự án có quy mô, công suất nhỏ và không có yếu tố nhạy cảm về môi trường. Sửa đổi quy trình thẩm định theo hướng chỉ ban hành thông báo kết quả thẩm định (không phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM) đối với các dự án thuộc đối tượng ĐTM đơn giản. Tiếp tục phân quyền cho địa phương theo hướng Bộ chỉ thực hiện thẩm định đối với các dự án có phạm vi tác động lớn, liên vùng hoặc liên quan đến điều ước quốc tế mà Bộ là cơ quan đầu mối.

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về căn cứ cấp giấy phép môi trường theo hướng rõ ràng, minh bạch hơn để bảo đảm đúng phạm vi cần kiểm soát, quản lý của Luật BVMT; bổ sung thêm đối tượng không phải có giấy phép môi trường là “*dự án đầu tư trụ sở làm việc của cơ quan thực hiện dịch vụ hành chính công; cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông*”.

- Sửa đổi quy định về thẩm định cấp giấy phép môi trường theo 02 hình thức: trình tự, thủ tục rút gọn hoặc đầy đủ. Theo đó, các dự án có tính chất và lưu lượng nước thải, khí thải xả ra môi trường ít có tác động xấu, được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn (vói hồ sơ, biểu mẫu đơn giản; thực hiện toàn bộ trên dịch vụ công toàn toàn trình, không thành lập Hội đồng thẩm định, không tổ chức kiểm tra thực tế; thời gian thẩm định ngắn). Các dự án còn lại được thực hiện theo trình tự, thủ tục đầy đủ. Quy định này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phân bổ nguồn lực hợp lý, hiệu quả, tập trung kiểm soát chặt chẽ các dự án có tác động xấu tới môi trường, giảm tải nguồn lực hành chính đối với các dự án ít có tác động xấu tới môi trường; đồng thời tạo lập môi trường thông thoáng, minh bạch, thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc rút ngắn thời gian để sớm triển khai hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

- Bổ sung quy định khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng, triển khai chương trình Nhân sinh thái để xã hội hóa việc chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam.

- Giảm đối tượng phải thực hiện lại thủ tục cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản khi có điều chỉnh, thay đổi.

c) Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc phân quyền cho địa phương thực hiện TTHC về môi trường, đồng thời đơn giản hoá các thức lập hồ sơ; cải cách quy trình, kết quả thực hiện. Trong đó có một số nội dung chính như sau:

- Rà soát để tiếp tục lược bỏ một số tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư nhằm cắt giảm đối tượng phải thực hiện ĐTM. Cụ thể, ngoài tiêu chí có yêu cầu chuyển đất trồng lúa 02 vụ đã được sửa đổi tại Luật số 146/2025/QH15, dự thảo Luật lần này đã lược bỏ thêm một số tiêu chí về môi trường như: khu dân cư tập trung; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; yêu cầu di dân, tái định cư. Theo đó, đối với tiêu chí các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thực hiện tại nội thành, nội thị (khu dân cư tập trung) và xả nước thải vào nguồn cấp nước sinh hoạt đã được kiểm soát bằng yêu cầu bắt buộc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường ở mức độ cao hơn (áp dụng theo phân vùng theo quy hoạch môi trường). Đối với yêu tố yêu cầu di dân, tái định cư không xét là yếu tố nhạy cảm về môi trường, các dự án có thực hiện di dân, tái định cư được thực hiện theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công và pháp luật về đất đai. Theo đó, dự án đầu tư được phân thành 03 nhóm (I, II và III) thay vì 04 nhóm như quy định hiện nay. Qua đó cắt giảm đối tượng phải thực hiện ĐTM; chuyển cơ chế kiểm soát từ tiền kiểm sang hậu kiểm cho nhiều đối tượng.

- Quy định 02 hình thức lập báo cáo và thẩm định, phê duyệt ĐTM theo mức nguy cơ tác động xấu đến môi trường của dự án, trong đó: dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao (nhóm I) phải lập báo cáo ĐTM chi tiết và

phải thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định; dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (nhóm II) chỉ lập báo cáo ĐTM đơn giản và chỉ phải thẩm định để ban hành thông báo, không thực hiện thủ tục phê duyệt kết quả thẩm định; dự án không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (nhóm III) không phải lập báo cáo ĐTM, chỉ đăng ký môi trường hoặc cấp GPMT trước khi triển khai thực hiện.

- Sửa đổi quy định về thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM của Bộ NN&MT nhằm đẩy mạnh phân quyền cho địa phương theo hướng Bộ chỉ tập trung giải quyết cho các dự án lớn, có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của nhiều đối tượng (dự án hạ tầng KCN); dự án đầu tư xây dựng quy mô lớn được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án có liên quan đến điều ước, công ước quốc tế mà Bộ được giao là cơ quan đầu mối thực hiện (thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; nhập khẩu phế liệu) và một số dự án thuộc thẩm quyền giải quyết thủ tục của Bộ trong một số lĩnh vực khác để tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên thông giải quyết TTHC (lĩnh vực: khoáng sản, biển và hải đảo).

d) Về quản lý chất lượng môi trường

Nội dung về quản lý chất lượng môi trường được rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định theo hướng đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan, khắc phục những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành, tăng cường phân cấp, phân định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước và nâng cao tính khả thi trong tổ chức thực hiện. Cụ thể như sau:

- Về bảo vệ môi trường nước mặt: sửa đổi quy định về áp dụng kết quả đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt trong việc áp dụng quy chuẩn xả nước thải theo hướng linh hoạt hơn, phân biệt trường hợp nguồn nước mặt không còn khả năng chịu tải đối với toàn bộ thông số với trường hợp chỉ không còn khả năng chịu tải đối với một số thông số nhất định. Nội dung này khắc phục bất cập của quy định hiện hành do chưa nêu rõ tiêu chí “hết khả năng chịu tải”, dẫn đến khó khăn trong thực thi vì thực tế việc đánh giá sức chịu tải được thực hiện theo từng thông số; từ đó tạo sự linh hoạt trong việc áp dụng quy chuẩn xả nước thải, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

- Về bảo vệ môi trường không khí: bổ sung quy định về dự báo ô nhiễm môi trường không khí bên cạnh quy định về cảnh báo đồng thời bổ sung, hoàn thiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong tổ chức biện pháp khẩn cấp và chịu trách nhiệm về chất lượng môi trường không khí trên địa bàn. Việc sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục thực tế quy định hiện hành mới dừng ở cảnh báo khi ô nhiễm đã xảy ra, chưa tạo đủ cơ sở pháp lý cho việc chủ động dự báo, phòng ngừa và chuẩn bị biện pháp ứng phó sớm, giảm thiểu tác động tới sức khỏe cộng đồng; đồng thời làm rõ hơn trách nhiệm của chính quyền địa phương do đây là cấp trực tiếp tổ chức quản lý, điều hành và xử lý các vấn đề ô nhiễm không khí trên địa bàn.

- Về bảo vệ môi trường đất: sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý chất lượng môi trường đất theo hướng phân định rõ phạm vi điều tra, đánh giá chất lượng đất phục vụ quản lý nhà nước về đất đai với việc điều tra, đánh giá các điểm, khu vực có dấu hiệu ô nhiễm theo pháp luật về bảo vệ môi trường; đồng thời rà soát, điều chỉnh trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

theo hướng đẩy mạnh phân cấp cho địa phương, tăng cường công khai thông tin về các khu vực ô nhiễm và kết quả xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường đất. Việc sửa đổi là cần thiết để bảo đảm đồng bộ với Luật Đất đai năm 2024, khắc phục nguy cơ chồng chéo về phạm vi, đối tượng và thẩm quyền quản lý giữa pháp luật đất đai và pháp luật bảo vệ môi trường, đồng thời tránh bỏ sót các điểm nóng ô nhiễm cục bộ trong thực tiễn.

- Về trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp tỉnh khi đề xảy ra vấn đề ô nhiễm môi trường trên địa bàn: Bổ sung trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc đề xảy ra ô nhiễm trên địa bàn bảo đảm phù hợp với việc phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho địa phương theo chủ trương “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

- Về bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải gắn với chất lượng môi trường không khí: bổ sung quy định nhằm tăng cường kiểm soát phát thải từ hoạt động giao thông, gồm quy định về lắp đặt thiết bị giám sát phát thải đối với một số loại phương tiện phù hợp; bổ sung cơ sở pháp lý để địa phương, căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu bảo vệ môi trường, xem xét áp dụng biện pháp điều tiết phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch tại một số khu vực, thời điểm. Rà soát quy định về trách nhiệm ban hành quy chuẩn kỹ thuật đối với phương tiện giao thông nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp cho phù hợp với tổ chức bộ máy sau sắp xếp. Việc bổ sung các quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm soát ô nhiễm không khí từ nguồn giao thông, phù hợp hơn với thực tiễn quản lý tại đô thị lớn, đồng thời bảo đảm kế thừa những chính sách đã được Luật Thủ đô năm 2024 triển khai thành công.

- Về báo cáo hiện trạng môi trường: sửa đổi thời điểm lập, trình và công bố báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia và cấp tỉnh. Việc sửa đổi là cần thiết do thực tiễn cho thấy thời điểm quy định hiện hành chưa phù hợp với tiến độ cập nhật chuỗi số liệu thống kê, số liệu quan trắc và báo cáo công tác bảo vệ môi trường của các bộ, ngành, địa phương; vì vậy cần điều chỉnh để bảo đảm báo cáo được xây dựng trên cơ sở thông tin đầy đủ hơn, nâng cao chất lượng phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Về dự báo, cảnh báo ô nhiễm môi trường: Trong bối cảnh ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn đang diễn biến phức tạp, dự thảo Luật đã tập trung hoàn thiện các quy định nhằm chuyển dịch phương thức quản lý từ xử lý vấn đề khi đã xảy ra sang “*dự báo để chủ động phòng ngừa*”. Cụ thể, dự thảo Luật sửa đổi khoản 4 Điều 4 để khẳng định nguyên tắc ưu tiên hàng đầu cho công tác dự báo, phòng ngừa ô nhiễm và quản lý rủi ro môi trường. Đây là bước đi quan trọng nhằm cụ thể hóa quan điểm bảo vệ môi trường “*từ sớm, từ xa*”, không để bị động trước các sự cố môi trường. Điểm quan trọng trong lần sửa đổi này là việc bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 12, yêu cầu tình trạng ô nhiễm môi trường không khí phải được dự báo bên cạnh việc cảnh báo kịp thời. Để thực hiện được mục tiêu này, dự thảo Luật bổ sung các cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số và công nghệ hiện đại. Hệ thống quản lý môi trường sẽ được vận hành dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, xây dựng nền tảng số quốc gia tích hợp dữ liệu

quan trắc và kiểm kê phát thải liên thông từ Trung ương đến địa phương. Việc luật hóa công tác dự báo dựa trên nền tảng công nghệ số không chỉ khắc phục hạn chế của quy định hiện hành vốn chỉ dừng lại ở việc thông báo khi ô nhiễm đã hiện hữu, mà còn tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý và cộng đồng dân cư có đủ thời gian chuẩn bị các biện pháp ứng phó, giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến sức khỏe công cộng. Đồng thời, đây cũng là nền tảng để công khai, minh bạch thông tin chất lượng môi trường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước thông qua các công cụ quản lý hiện đại và thông minh.

đ) Bổ sung quy định về chuyển đổi số trong quản lý chất thải và thúc đẩy hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải, cụ thể:

- Chuyển đổi số trong quản lý chất thải để kiểm soát và truy xuất việc sử dụng, tái chế, xử lý chất thải thông qua việc quy định cụ thể về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải và các tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu điện tử về chất thải vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường theo lộ trình do Chính phủ quy định để hướng tới việc quản lý, tái chế, xử lý chất thải theo hình thức trực tuyến (bao gồm cả chứng từ, biên bản giao nhận điện tử về chuyển giao chất thải).

- Thống nhất việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt giữa hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; khuyến khích Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt khác thành chất thải nguy hại, chất thải công kênh và các loại chất thải sinh hoạt khác còn lại phù hợp với điều kiện thực tiễn quản lý tại địa phương và nâng cao hiệu quả tổ chức thu gom, xử lý.

- Thúc đẩy hoạt động sử dụng chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thay thế (thay thế cho tài nguyên thiên nhiên) bằng việc bổ sung quy định cụ thể cho từng nhóm chất thải để quản lý phù hợp theo tính chất để đảm bảo vừa thúc đẩy hoạt động tái sử dụng, tái chế trong khi vẫn quản lý tốt về mặt môi trường. Theo đó, dự thảo Luật đã quy định rõ những loại chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất mà không phải tuân thủ theo các quy định về quản lý chất thải; những loại chất thải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; nhóm chất thải còn lại (khi sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất phải phù hợp với quy trình sản xuất và được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường của dự án, cơ sở sử dụng). Điều này một mặt giúp thúc đẩy hoạt động sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thay thế, mặt khác đưa được ra những quy định rõ ràng để triển khai thực hiện đối với những nhóm chất thải mà nếu không quản lý tốt thì việc sử dụng này có khả năng gây ô nhiễm môi trường.

- Bổ sung quy định về vật liệu, sản phẩm được sản xuất từ chất thải sau khi đã được xử lý, tái chế, tái sử dụng được lưu thông, sử dụng. Bổ sung các cơ chế khuyến khích sử dụng sản phẩm tái chế thông qua chính sách ưu đãi, khuyến khích thị trường, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Đối với khí thải, trước đây quy định khí thải phải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Dự thảo Luật lần này đã bổ sung quy định khuyến khích tuần hoàn hoặc tái sử dụng khí thải làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất khác để phù hợp với thực hiện và thúc đẩy việc tuần hoàn, tái sử dụng ngay cả đối với khí thải;

- Sửa đổi, bổ sung các quy định để thu thuế bảo vệ môi trường thay vì đóng góp tài chính vào quỹ bảo vệ môi trường đối với các sản phẩm, bao bì không có khả năng tái chế. Bổ sung các hình thức phù hợp để thực hiện trách nhiệm tái chế thay vì đóng góp tài chính.

e) Phát triển ngành công nghiệp môi trường

Bổ sung quy định loại hình “dịch vụ công nghiệp môi trường” trong dự thảo Luật nhằm bổ sung các chế định, khung pháp lý đặc thù cho ngành công nghiệp môi trường. Hoàn thiện chính sách thuế, ưu đãi đầu tư để khuyến khích sản xuất trong nước; hướng tới hình thành hệ sinh thái công nghiệp môi trường hoàn chỉnh; đảm bảo năng lực tự chủ về công nghệ, thiết bị, sản phẩm xử lý môi trường trong nước.

d) Sửa đổi, bổ sung các quy định về nền tảng số nhằm quản lý môi trường dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, liên thông giữa trung ương và địa phương; xây dựng hệ thống đăng ký phát thải và chuyển giao chất ô nhiễm môi trường. Cung cấp, cập nhật dữ liệu về chất thải.

e) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

Sửa đổi, bổ sung quy định về ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) theo hướng tăng cường công tác quản lý phát thải và hiện đại hóa các công cụ điều hành. Phân cấp cho Bộ NN&MT ban hành tiêu chí đánh giá rủi ro và xác định dự án thích ứng. Chuyển dịch quản lý từ “giảm nhẹ” sang “quản lý phát thải khí nhà kính” để bao quát toàn diện chu kỳ từ kiểm kê khí nhà kính, giảm phát thải khí nhà kính đến thị trường các-bon. Quy trình kiểm kê được cải cách mạnh khi rút ngắn chu kỳ xuống thực hiện hằng năm (thay vì 02 năm/lần) và thực hiện trực tuyến, gắn liền với việc phân quyền cho UBND cấp tỉnh lập danh mục cơ sở phát thải trên địa bàn, đồng thời bổ sung trách nhiệm kiểm kê cấp tỉnh.

Về thực hiện mục tiêu theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), các Bộ quản lý ngành sẽ đóng vai trò chủ đạo trong việc xây dựng định mức, trực tiếp phân bổ hạn ngạch và theo dõi mục tiêu đóng góp quốc gia. Về thị trường các-bon, để đảm bảo thị trường vận hành minh bạch, các cơ chế bình ổn giá, kết nối dữ liệu sàn giao dịch với hệ thống đăng ký quốc gia và quy định về trao đổi tín chỉ quốc tế đã được bổ sung chặt chẽ. Song song đó, công tác bảo vệ tầng ô-dôn được siết chặt bằng quy định cấm thải bỏ môi chất lạnh trực tiếp, buộc các nhà sản xuất thiết bị phải có trách nhiệm thu hồi và tái chế sản phẩm sau sử dụng. Để tạo động lực cho quá trình chuyển đổi xanh, các cơ chế ưu đãi về thuế, phí và hỗ trợ công nghệ làm mát bền vững được thiết lập, nhằm khuyến khích doanh nghiệp chủ động tham gia vào lộ trình đạt phát thải ròng bằng “0” của quốc gia.

g) Điều chỉnh các quy định về quy chuẩn môi trường sát với loại hình công nghệ phù hợp (BAT) để có lộ trình áp dụng quy chuẩn cho phù hợp.

3.2. Nội dung lược bỏ

Dự thảo Luật bãi bỏ quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường. Thực tế triển khai trong 03 năm qua cho thấy, hiệu quả quản lý môi trường không rõ rệt, trong khi cả cơ quan nhà nước và doanh nghiệp đều mất nhiều thời gian, chi phí để thực hiện. Việc bãi bỏ quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải nhằm thực hiện chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm chi phí và thời gian tuân thủ cho doanh nghiệp trong bối cảnh mục tiêu tăng trưởng 02 con số trong thời gian tới. Việc bãi bỏ quy định này không làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước do chuyển sang cơ chế hậu kiểm, tăng cường kiểm tra, giám sát và áp dụng chế tài xử lý vi phạm. Đồng thời, doanh nghiệp được trao quyền chủ động nhưng phải chịu trách nhiệm toàn bộ về việc đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường ngay từ khi bắt đầu vận hành, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý theo hướng thực chất.

Bãi bỏ quy định nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, xử lý, tái chế; bổ sung quy định cấm nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, xử lý, tái chế.

Bãi bỏ quy định về báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm để hợp nhất với báo cáo hiện trạng môi trường nhằm giảm thiểu số lượng báo cáo phải thực hiện, đồng thời, hướng tới mục tiêu tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác tổng hợp thông tin, báo cáo.

Bãi bỏ trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải nguy hại quy định khoản 4 Điều 84 Luật BVMT. Việc bãi bỏ, không quy định nội dung này trong Luật Bảo vệ môi trường là phù hợp và cần thiết để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tránh chồng chéo với quy định của pháp luật chuyên ngành về chuyển giao công nghệ, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*Luật Chuyển giao công nghệ đã có quy định danh mục công nghệ cấm, hạn chế chuyển giao; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã có quy định về đánh giá, thẩm định và quản lý công nghệ*).

3.3. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo Luật đã quy định nội dung đơn giản hóa các quy định về tiêu chí môi trường trong phân loại dự án; cắt giảm đối tượng phải thực hiện TTHC; đơn giản hóa quy trình thực hiện, tiếp tục phân quyền mạnh mẽ cho địa phương, giảm tiền kiểm, tăng cường hậu kiểm nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ dự án trong thực hiện thủ tục hành chính về môi trường. Chi tiết đã được báo cáo tại mục 3.1.a.

3.4. Nội dung phân quyền, phân cấp

Trong thời gian vừa qua, Bộ NN&MT đã tham mưu Chính phủ, Quốc hội ban hành nhiều văn bản sửa đổi quy định của pháp luật về BVMT để thực hiện chủ trương cắt giảm TTHC, tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương giải quyết TTHC về môi trường (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025, Luật số 146/2025/QH15 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026). Theo đó, so với số liệu giải quyết TTHC ở Bộ trước năm 2025, Bộ NN&MT ước tính sau khi các văn bản này được ban hành sẽ phân cấp, phân quyền cho địa phương giải quyết khoảng 80% (trong đó gồm khoảng

10% là cắt giảm đối tượng ĐTM và khoảng 70% là đối tượng được phân cấp, phân quyền) của Bộ NN&MT cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

Tiếp tục quán triệt quan điểm chỉ đạo, tại lần sửa đổi này, Bộ NN&MT tiếp tục đề xuất đẩy mạnh hơn nữa việc phân quyền cho địa phương thực hiện TTHC về môi trường, đồng thời đơn giản hoá các thức lập hồ sơ; cải cách quy trình, kết quả thực hiện. Các nội dung quy định chi tiết đã được báo cáo tại mục 3.1.b.

Theo phương án phân quyền trong dự thảo Luật, Bộ NN&MT đã tiếp tục rà soát các tiêu chí phân định thẩm quyền và nhận thấy phương án này sẽ tiếp tục phân quyền cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh giải quyết khoảng 54% số lượng hồ sơ đã giải quyết TTHC về ĐTM ở Bộ NN&MT trong năm 2025.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO LUẬT GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Về tính tương thích với điều ước quốc tế

Dự thảo Luật không có nội dung trái với các điều ước quốc tế liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Có báo cáo ... kèm theo.

2. Dự kiến nguồn lực đảm bảo thi hành Luật

- Về nhân lực: Nguồn nhân lực là các cán bộ, công chức, viên chức có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đạo đức công vụ tốt đang công tác trong lĩnh vực quản lý về môi trường để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. Bên cạnh đó, cần triển khai đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật nhằm phổ biến nội dung Luật đến mọi tầng lớp nhân dân.

- Về tài chính: bao gồm ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện các nhiệm vụ như: xây dựng văn bản hướng dẫn, tổ chức hội nghị triển khai, in ấn tài liệu và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu. Ngoài nguồn ngân sách trung ương và địa phương, việc huy động các nguồn lực hợp pháp khác từ xã hội, các tổ chức trong và ngoài nước thông qua hình thức xã hội hóa cũng là giải pháp quan trọng để triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và thực thi các chính sách về bảo vệ môi trường được quy định trong Luật.

3. Điều kiện đảm bảo thi hành Luật

- Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật gồm các nội dung được xác định như sau:

+ Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực môi trường để kịp thời quy định chi tiết các nội dung sửa đổi Luật; Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Luật, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, địa phương.

+ Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực môi trường để kịp thời quy định chi tiết thi

hành các nội dung sửa đổi Luật; ban hành Kế hoạch của Bộ về việc triển khai thực hiện Luật; xây dựng nội dung thông tin để tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

+ Các Bộ, ngành, địa phương ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật của Bộ, ngành, địa phương, trong đó tập trung triển khai bảo đảm đúng tiến độ việc xây dựng và ban hành các VBQPPL thuộc trách nhiệm được Luật giao; phối hợp tổ chức triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các chính sách mới của Luật.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

4. Thời gian trình thông qua/ban hành

Bộ Nông nghiệp và Môi trường dự kiến trình Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ ... Quốc hội khóa ..., có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Luật, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Hồ sơ kèm theo gồm: (1) Dự thảo Luật; (2) Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế với luật của Quốc hội hiện hành và lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo; (4) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân; (5) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp về dự án Luật; (6) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Luật; (7) Báo cáo tổng kết thi hành; (8) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách của dự án Luật; (9) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án Luật.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ;
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Tổ soạn thảo;
- Lưu: VT, MT.

BỘ TRƯỞNG

Trần Đức Thắng